

BẢN TIN



KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

TRUNG TÂM THÔNG TIN - ỨNG DỤNG TIẾN BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NINH THUẬN

Đ/c: 66H Hải Thượng Lãn Ông, P. Tấn Tài – TP Phan Rang – Tháp Chàm – Ninh Thuận. ĐT: 0259.3922687 Fax: 0259.3922687



SỐ 4

**Chiến lược, chính sách phát triển
khoa học, công nghệ
và đổi mới sáng tạo**



**Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng
khoa học và công nghệ vào các
ngành, lĩnh vực có lợi thế**



**Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp
tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm
vụ khoa học và công nghệ cấp quốc
gia sử dụng ngân sách Nhà nước**

MỤC LỤC

NỘI DUNG

Chiến lược, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.....

Error! Bookmark not defined.

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế..... 9

Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0 11

Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước..... 15

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua chuyển đổi số..... 18

Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số 21

Thông tư số 19/2023/TT-BKHHCN hướng dẫn một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ..... 24



Chiến lược, chính sách phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, định hướng cho phát triển và ứng dụng KH&CN&ĐMST: Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Chiến lược phát triển KT-XH 10 năm 2021-2030; Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn 2045; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW...



Các đường lối, chủ trương này tiếp tục được cụ thể hóa một bước thông qua Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 và nhiều chương trình, đề án KH&CN quốc gia đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030

Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Chiến lược) được ban hành theo Quyết định số 569/QĐ-TTg, ngày 11/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Chiến lược xác định phát triển KH&ĐT là quốc sách hàng đầu, đóng vai trò đột phá chiến lược trong giai đoạn mới; là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả; là nhân tố quyết định nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia, các ngành, lĩnh vực KT-XH, địa phương và doanh nghiệp; là nền tảng để thực hiện chuyển đổi số quốc gia; góp phần quan trọng nâng cao đời sống nhân dân, phát triển bền vững, đảm bảo quốc phòng, an ninh.

Chiến lược đề ra mục tiêu đến năm 2030, KH&ĐT được phát triển vững chắc, thực sự trở thành động lực tăng trưởng, góp phần quyết định đưa Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; góp phần phát triển toàn diện văn hóa, xã hội, con người, bảo đảm quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững, nâng cao vị thế và uy tín quốc tế của Việt Nam; tiềm lực, trình độ KH&ĐT đạt mức tiên tiến ở nhiều lĩnh vực quan trọng, thuộc nhóm dẫn đầu trong các nước có thu nhập trung bình cao; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của thế giới; một số lĩnh vực KH&ĐT đạt trình độ quốc tế.

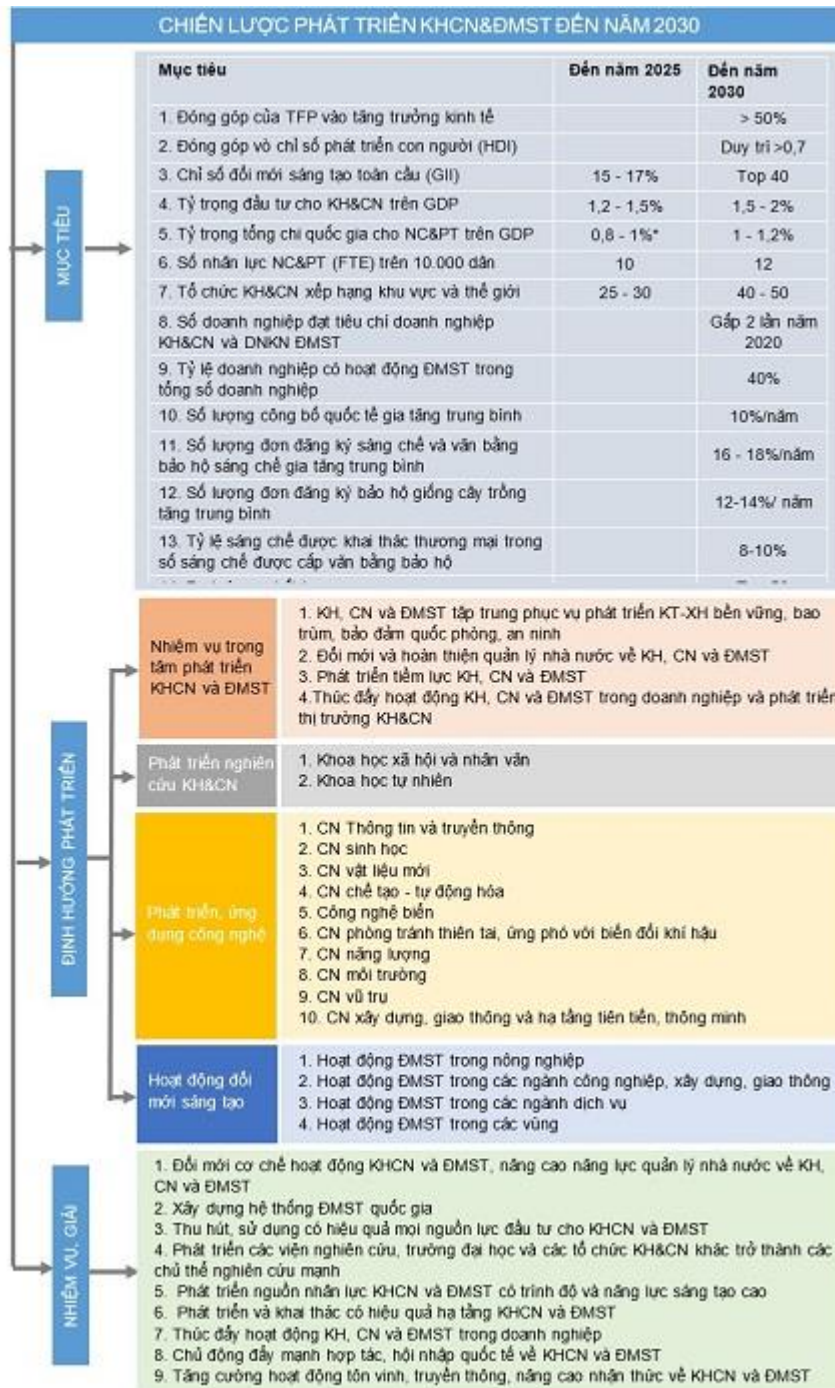
Định hướng của Chiến lược xác định ưu tiên trong phát triển KH&ĐT; là cầu nối giữa mục tiêu với nhiệm vụ, giải pháp; là cơ sở để phân bổ nguồn lực hướng tới thực hiện mục tiêu phát triển KH&ĐT. Chiến lược tập trung vào các định hướng phát triển nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ mà Việt Nam có thế mạnh, tiềm năng và còn dư địa lớn. Đồng thời, Chiến lược xác định định hướng nhiệm vụ trọng tâm phát triển KH&ĐT, trong đó đặc biệt nhấn mạnh định hướng KH&ĐT phục vụ phát triển KT-XH bền vững, bao trùm, thúc đẩy hoạt động KH&ĐT trong doanh nghiệp, đổi mới và hoàn thiện quản lý nhà nước về KH&ĐT; bổ sung định hướng hoạt động ĐT, gồm cả định hướng ĐT trong các ngành và các vùng KT-XH.

Hoạt động triển khai Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030

Bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp được xác định trong Chiến lược, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành quyết định phê duyệt Phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ KH&ĐT đến năm 2025 (Quyết định số 2667/QĐ-BKH&ĐT ngày 28/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ). Theo đó, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đặt ra 9 nhiệm vụ và giải pháp để thực hiện các mục tiêu chiến lược, bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

1. Hoàn thiện hành lang pháp lý và tập trung nguồn lực để thực hiện nội dung chiến lược về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
2. Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện vai trò trung tâm trong điều phối, liên kết với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ trực tiếp phát triển kinh tế - xã hội

3. Hoàn thiện hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia trong đó doanh nghiệp đóng vai trò trung tâm, các tổ chức khoa học và công nghệ là các chủ thể nghiên cứu KHCN&ĐMST
4. Tập trung xây dựng nâng cao năng lực công nghệ cốt lõi thúc đẩy năng suất chất lượng, tận dụng cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
5. Hoàn thiện các quy định pháp luật quản lý nhiệm vụ KH&CN để thúc đẩy phát triển KHCN&ĐMST
6. Phát triển thị trường và doanh nghiệp KH&CN
7. Sở hữu trí tuệ và Tiêu chuẩn, Đo lường, Chất lượng
8. Nghiên cứu khoa học, ứng dụng và phát triển công nghệ góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội; nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế về KHCN&ĐMST
9. Chuyển đổi số và hiện đại hoá hoạt động quản lý nhà nước, tăng cường truyền thông về KHCN&ĐMST



Chiến lược phát triển một số lĩnh vực khoa học và công nghệ

Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 127/QĐ-TTg, ngày 26 tháng 01 năm 2021. Theo đó, đến năm 2030, Việt Nam phấn đấu trở thành trung tâm ĐMST, phát triển các giải pháp và ứng dụng TTNT trong khu vực ASEAN và trên thế giới.

Quan điểm của Chiến lược coi TTNT là một lĩnh vực công nghệ nền tảng của CMCN 4.0, góp phần quan trọng tạo bước phát triển đột phá về năng lực sản xuất,

nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững.

Chiến lược đề ra mục tiêu đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT, đưa TTNT trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam trong cuộc CMCN 4.0. Đến năm 2025 là đưa TTNT trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam, Việt Nam nằm trong nhóm 5 nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN và nhóm 60 nước dẫn đầu trên thế giới về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT; Việt Nam trở thành trung tâm ĐMST, phát triển các giải pháp và ứng dụng TTNT, góp phần xây dựng xã hội sáng tạo, chính phủ hiệu quả, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững.

Mục tiêu đến năm 2030 đưa TTNT trở thành lĩnh vực công nghệ quan trọng của Việt Nam. Việt Nam nằm trong nhóm 4 nước dẫn đầu trong khu vực ASEAN và nhóm 50 nước dẫn đầu trên thế giới về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT. Việt Nam là trung tâm ĐMST, phát triển các giải pháp và ứng dụng TTNT mạnh, góp phần đẩy mạnh xã hội sáng tạo, chính phủ hiệu quả, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và thúc đẩy phát triển kinh tế tăng trưởng bền vững; Cùng với chuyển đổi số, ứng dụng TTNT góp phần thúc đẩy tăng trưởng một số ngành kinh tế.

Định hướng triển khai Chiến lược là: Xây dựng hệ thống văn bản quy phạm pháp luật và hành lang pháp lý liên quan đến TTNT; Xây dựng hạ tầng dữ liệu và tính toán cho nghiên cứu, phát triển và ứng dụng TTNT; Phát triển hệ sinh thái TTNT; Thúc đẩy ứng dụng TTNT; Thúc đẩy hợp tác quốc tế trong lĩnh vực TTNT.

Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030

Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ đến năm 2030 được Thủ tướng Chính phủ ban hành theo Quyết định số 169/QĐ-TTg ngày 04 tháng 02 năm 2021.

Mục tiêu chung của Chiến lược là nhằm ứng dụng rộng rãi thành tựu của KH&CN vũ trụ; đầu tư có trọng tâm, trọng điểm một số lĩnh vực có liên quan đến quốc phòng, an ninh, quản lý tài nguyên và môi trường, giám sát và hỗ trợ giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, cung cấp đa dạng dịch vụ cho người dân; nâng cao tiềm lực khoa học và công nghệ của đất nước, góp phần bảo đảm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, thúc đẩy phát triển mọi mặt KT-XH và bảo đảm các lợi ích quốc gia khác.

Chiến lược đặt mục tiêu phấn đấu làm chủ được công nghệ thiết kế, chế tạo, tích hợp các cảm biến quang học, ra-đa cho vệ tinh quan sát Trái đất; lắp ráp, tích hợp, kiểm tra ở trong nước vệ tinh nhỏ có độ phân giải cao, siêu cao; làm chủ được công nghệ thiết kế, chế tạo thiết bị đầu cuối, trạm mặt đất điều khiển và thu nhận dữ liệu vệ tinh, các bộ phát đáp cho vệ tinh viễn thông; hình thành năng lực định vị

dẫn đường của Việt Nam, giảm sự phụ thuộc vào các hệ thống định vị dẫn đường sử dụng vệ tinh toàn cầu hiện có.

Về ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ, mục tiêu đặt ra là chủ động, kịp thời giám sát, hỗ trợ ra quyết định ứng phó với các hoạt động, biến đổi của thiên nhiên, các biến động xã hội trên diện rộng trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam; cung cấp đa dạng các dịch vụ viễn thông, định vị, dẫn đường, cảnh báo dựa trên dữ liệu vệ tinh cho người dân.

Về phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ vũ trụ, Chiến lược phân đầu đào tạo được đội ngũ khoảng 300 chuyên gia, 3000 kỹ sư triển khai trong lĩnh vực khoa học và công nghệ vũ trụ; đầu tư nâng cấp khoảng 10 phòng thí nghiệm chuyên sâu; phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh về khoa học vũ trụ, công nghệ vũ trụ, ứng dụng khoa học và công nghệ vũ trụ...

Chiến lược cũng hướng tới nhằm thúc đẩy nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về tiềm năng phát triển sản xuất, kinh doanh, khởi nghiệp theo hướng ĐMST trong lĩnh vực khoa học và công nghệ vũ trụ; triển khai các hình thức truyền thông phục vụ nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương về nội hàm, tiềm năng của khoa học và công nghệ vũ trụ đối với phát triển KT-XH, bảo vệ chủ quyền, bảo đảm an ninh quốc gia.

Sở hữu trí tuệ

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được Quốc hội thông qua ngày 16/6/2022. Các quy định mới trong Luật thể chế hóa các chủ trương, đường lối của Đảng, khắc phục những vướng mắc, bất cập của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 cũng như những bất cập nảy sinh giữa các quy định của Luật với các văn bản quy phạm pháp luật khác đã được Quốc hội ban hành gần đây; nội luật hóa các cam kết để phù hợp với thông lệ quốc tế, từ đó hoàn thiện thể chế về sở hữu trí tuệ theo hướng khuyến khích sáng tạo, bảo đảm tính ổn định, thống nhất, đồng bộ, minh bạch, khả thi, quyền sở hữu trí tuệ được bảo vệ và thực thi hiệu quả, đồng thời nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của đất nước....

Sau khi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành, các văn bản quy định chi tiết đã được khẩn trương xây dựng để ban hành và có hiệu lực đồng thời với Luật. Bộ Khoa học và Công nghệ đã trình cơ quan có thẩm quyền ban hành 3 Nghị định của Chính phủ, 1 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ để sửa đổi, bổ sung, thay thế một số văn bản bảo đảm phù hợp với các quy định mới và tháo gỡ những vướng mắc trong thực tiễn triển khai, thi hành.

Các quy định mới được ban hành sẽ có những tác động tích cực đến hoạt động sở hữu trí tuệ như: Xác định rõ về tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan trong các trường hợp chuyển nhượng, chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan; thúc đẩy tạo ra, khai thác và phổ biến sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí, giống cây trồng được tạo ra từ nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN;

thúc đẩy quá trình thực hiện thủ tục đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, thủ tục xác lập quyền sở hữu công nghiệp; nâng cao sự thỏa đáng và cân bằng trong bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ; nâng cao hiệu quả hoạt động hỗ trợ, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và bảo đảm việc thực hiện cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo hộ sở hữu trí tuệ trong quá trình hội nhập quốc tế...

Trong năm 2022, Cục Sở hữu trí tuệ đã phối hợp với các địa phương xây dựng cơ chế phát triển tài sản trí tuệ và Chương trình phát triển tài sản trí tuệ. Đến nay đã có 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành văn bản liên quan đến các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy công tác bảo hộ, quản lý và phát triển tài sản trí tuệ của địa phương; các nhiệm vụ KH&CN thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đã tập trung xem xét, hỗ trợ cho các nhóm nội dung như tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các nhà khoa học, tập huấn, nâng cao năng lực xử lý các vụ việc về sở hữu trí tuệ cho cán bộ tư pháp, nghiên cứu xây dựng tài liệu tập huấn về sở hữu trí tuệ cho các chủ thể tham gia Chương trình mỗi xã một sản phẩm (Chương trình OCOP).

Công tác quản lý hoạt động đại diện và giám định sở hữu công nghiệp được thực hiện thường xuyên, góp phần nâng cao chất lượng hoạt động này, hỗ trợ tích cực cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc xác lập và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp. Đến năm 2022, cả nước có 243 tổ chức đại diện sở hữu công nghiệp và 372 cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp (tăng 15 tổ chức và 01 cá nhân so với năm 2021).

Nguồn: <https://www.vista.gov.vn/>

Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ vào các ngành, lĩnh vực có lợi thế

Xác định tầm quan trọng của khoa học và công nghệ (KH&CN), 9 tháng năm 2023, các ngành, các địa phương trong tỉnh đã đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trên tất cả lĩnh vực sản xuất và đời sống. Qua đó, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tiêu biểu là nghiên cứu, ứng dụng KH&CN trong lĩnh vực nông nghiệp ngày càng được đầu tư chuyên sâu hơn. Tại các huyện, thành phố đã triển khai nhiều mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giúp tiết kiệm chi phí đầu tư, tăng năng suất, hạ giá thành và nâng cao chất lượng nông sản. Tính đến nay, trên địa bàn toàn tỉnh đã nhân rộng mô hình sản xuất nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ với diện tích hơn 4.903 ha trên các loại cây trồng: Lúa, nho, táo, hành, tỏi, măng tây xanh, nha đam, điều và một số loại cây ăn quả khác. Công nghệ tưới tiết kiệm nước đã được ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng với tổng diện tích hơn 14.297 ha. Công nghệ nhà lưới, nhà màng cũng đang được áp dụng trong các mô hình trồng hoa lan, dưa lưới, táo, nho, vườn ươm giống măng tây xanh. Đặc biệt, mô hình ứng dụng công nghệ “bao lưới chống ruồi vàng” trong sản xuất táo với diện tích 826,6 ha/1.640 hộ (chiếm 78,3% diện tích táo toàn tỉnh) giúp giảm tác hại của các sinh vật gây hại, góp phần tăng năng suất, nâng cao chất lượng, tăng giá thành sản

phẩm. Mô hình sản xuất cánh đồng lớn được duy trì và mở rộng với tổng diện tích gần 4.158 ha/31 cánh đồng.



Nông dân phường Văn Hải (Tp. Phan Rang - Tháp Chàm) trồng nho theo hướng VietGAP. Ảnh: V.Miên

Trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đáng kể là Sở Tài nguyên và Môi trường đã tổ chức ứng dụng kết quả 3 nhiệm vụ KH&CN đã được chuyển giao, triển khai lập kế hoạch, vận dụng kết quả nghiên cứu phục vụ công tác thẩm định báo cáo kết quả thăm dò, đánh giá trữ lượng khoáng sản cát và báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án khai thác cát xây dựng trên Sông Dinh, các vấn đề liên quan đến nội dung đánh giá tác động sạt lở lòng, bờ. Thực hiện nhiệm vụ quan trắc môi trường định kỳ về chất lượng nước Sông Cái, Sông Lu, Sông Quao, Kênh Nam, Kênh Bắc, Suối Cạn, Sông Than, nước hồ, nước dưới đất, nước biển ven bờ, không khí và tiếng ồn trên địa bàn tỉnh. Kết quả nghiên cứu các chế phẩm sinh học để xử lý mùi hôi, xử lý chất thải, rác thải tiếp tục được các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, trang trại chăn nuôi, Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại và Sản xuất Nam Thành ứng dụng hiệu quả.

Lĩnh vực y tế cũng có nhiều thành tựu được ứng dụng phục vụ công tác khám, điều trị bệnh. Sở Y tế triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa dữ liệu sức khỏe của người dân trên cơ sở thúc đẩy triển khai bệnh án điện tử, hình ảnh số y khoa, các ứng dụng phục vụ công tác khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế và kết nối, chia sẻ dữ liệu các nền tảng số y tế, dữ liệu của người dân sau khi số hóa được bảo mật mức tối đa nhằm phục vụ công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân. Thực hiện kiểm nghiệm chất lượng dược phẩm, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 và tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý tại các cơ sở khám, chữa bệnh ngoài công lập, các cơ sở kinh doanh thuốc thông qua việc ứng dụng phần mềm, ứng dụng nguyên tắc thực hành tốt GLP và TCVN theo kết quả được phê

duyệt từ Dự án Nâng cao năng lực phòng thí nghiệm theo TCVN ISO/IEC 17025 và GLP của Trung tâm Kiểm soát dược phẩm, thực phẩm và thiết bị y tế giai đoạn 2021-2023.

KH&CN cũng đã thúc đẩy du lịch (DL) phát triển. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thường xuyên nâng cấp Cổng thông tin DL Ninh Thuận, app DL Ninh Thuận, tích hợp nhiều tính năng ưu việt giúp du khách dễ dàng tìm kiếm, tra cứu thông tin DL. Hiện trên địa bàn tỉnh có 300 đơn vị lưu trú, nhà hàng, cửa hàng lưu niệm được cập nhật, giới thiệu trên hệ thống, làm tăng khả năng kết nối với khách hàng, giúp du khách dễ dàng chọn lựa nơi lưu trú và trải nghiệm phù hợp nhất với nhu cầu, sở thích của mình. Cổng thông tin DL Ninh Thuận trên website <http://ninhthuantourism.vn> và app DL Ninh Thuận “Ninh Thuận Tourism” trên thiết bị di động thông minh có hơn 3,5 triệu lượt truy cập. Tuyên truyền, vận động 2.295 người đăng ký làm thẻ DL thông minh; tổ chức tập huấn sử dụng Thẻ Việt - Thẻ DL quốc gia và triển khai nền tảng số DL; hướng dẫn, phát hành trực tiếp 109 thẻ miễn phí cho đại diện các sở, ban, ngành, địa phương và doanh nghiệp DL trong tỉnh.

Kế thừa những kết quả đã đạt được, thời gian tới ngành KH&CN tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống. Để hiện thực hóa mục tiêu trên, theo đồng chí Võ Quang Lãm, Phó Giám đốc Sở KH&CN, cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các cơ quan, doanh nghiệp và cộng đồng khoa học trong việc xác định chiến lược phát triển KH&CN phù hợp với từng ngành, lĩnh vực; đầu tư nguồn lực cho việc nghiên cứu và ứng dụng KH&CN; tạo môi trường thuận lợi cho sự sáng tạo và đổi mới; nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội về vai trò của KH&CN trong tăng năng suất lao động, chuyển đổi cơ cấu kinh tế.

<https://baoninhthuan.com.vn/>

Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0

Ngày 11/11/2023, tại Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo "Đánh giá Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia 'Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghệ 4.0', mã số KC-4.0/19-25, giai đoạn 2019-2023 và định hướng giai đoạn đến năm 2030".



Quang cảnh hội thảo

Thực hiện chỉ đạo tại Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 4/5/2017 về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, ngày 17/9/2018, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Quyết định số 2813/QĐ-BKHCN phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp quốc gia giai đoạn đến năm 2025: "*Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ của công nghiệp 4.0*".

Báo cáo tại Hội thảo, GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy, Phó Chủ nhiệm Chương trình KC-4.0/19-25 cho biết, sau 4 năm triển khai, đã có hơn 500 đề xuất đăng ký tham gia Chương trình, trong đó đã lựa chọn, triển khai 74 nhiệm vụ. Về tổng thể, các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam đã nghiên cứu, phát triển, làm chủ và ứng dụng một số công nghệ chủ chốt của công nghiệp 4.0 mà chúng ta có lợi thế để tạo ra các sản phẩm phục vụ sản xuất, kinh doanh, như y tế, nông nghiệp, tài nguyên môi trường... Điển hình như các nhiệm vụ trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, đã hỗ trợ chẩn đoán và dự báo dịch tễ địa không gian bệnh lao phổi bằng ảnh X-quang, hay hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tầm soát trước sinh cho một số bất thường hay gặp ở Việt Nam, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và công nghệ giải trình tự gene thế hệ mới trong phát hiện đột biến gene liên quan đến sự đáp ứng của thuốc điều trị một số loại ung thư phổ biến tại Việt Nam... Trong lĩnh vực nông nghiệp, gồm các nhiệm vụ: Nghiên cứu xây dựng hệ thống thu thập, lưu trữ và ứng dụng AI trong phân tích, dự báo, ra quyết định điều khiển tự động, tối ưu hóa lượng nước tưới, phân bón, quản lý sâu bệnh và chiếu sáng, áp dụng thử nghiệm cho sản xuất cây thanh long; ứng dụng công nghệ Blockchain trong quản lý truy xuất nguồn gốc và chất lượng sản phẩm của mật ong, hạt tiêu...

Hầu hết các nhiệm vụ đều có sản phẩm ứng dụng thực tế tại một tổ chức, doanh nghiệp. Thông qua chương trình, năng lực nghiên cứu của các nhà khoa học từng bước được nâng cao, hình thành được một số nhóm nghiên cứu mạnh về công nghệ của công nghiệp 4.0; một số nhiệm vụ có sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ. Tuy nhiên, theo GS.TS. Nguyễn Thanh Thủy, việc thực hiện Chương trình vẫn còn một số hạn chế: Vấn đề nghiên cứu (đối tượng nghiên cứu) cơ bản vẫn dựa trên đề xuất của các đơn vị/doanh nghiệp; chưa có điều kiện để định hướng, hình thành các nhiệm vụ theo chuỗi công nghệ/giá trị; có hướng đến/đích đến đủ tầm ở dài hạn. Đây cũng là vấn đề chung đối với các nghiên cứu ở Việt Nam. Các đối tượng tham gia thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu, tiềm lực của các đơn vị nghiên cứu còn hạn chế; với các doanh nghiệp (cỡ vừa và nhỏ) chủ yếu ứng dụng công nghệ, chứ không phát triển được công nghệ, chưa có điều kiện nhân rộng kết quả... Ngoài ra, do tác động của đại dịch COVID-19 một số nhiệm vụ của Chương trình đã bị ảnh hưởng, dẫn đến chậm tiến độ triển khai, đặc biệt là một số nhiệm vụ có yêu cầu thu thập dữ liệu thực tế. Vì vậy, một số nhiệm vụ thuộc Chương trình đang phải gia hạn thực hiện thêm từ 6 tháng đến 1 năm.

Theo đó, Ban Chủ nhiệm Chương trình, phối hợp với các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ đã nghiên cứu, báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ cho phép làm các thủ tục để gia hạn thực hiện Chương trình đến năm 2030, đồng bộ với các Chương trình đang triển khai. Tuy nhiên, sẽ có một số điều chỉnh nhỏ về phạm vi, đối tượng để phù hợp với tình hình mới hiện nay. Việc điều chỉnh sẽ căn cứ tình hình thực tiễn và xu hướng phát triển của các công nghệ; rà soát các nhiệm vụ, giải pháp bảo đảm không có sự trùng lặp với nội dung các chương trình khác đã phê duyệt, đang triển khai; bổ sung một số mục tiêu, nhiệm vụ mới phát sinh theo các văn bản, chỉ đạo mới...

Theo ông Vũ Hải Quân, Giám đốc Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, Chủ nhiệm Chương trình KC-4.0/19-25, số lượng các đề tài từ Đà Nẵng trở vào Nam tham gia Chương trình còn khiêm tốn. Tuy nhiên, năng lực nghiên cứu, khả năng thu hút đầu tư xã hội của các viện, trường phía Nam, số sản phẩm giành giải cao ở khu vực này rất lớn. Ông Vũ Hải Quân đề xuất cải cách thủ tục hành chính để nhà khoa học có thể nộp hồ sơ trực tuyến. Bởi nếu nộp bằng giấy sẽ làm chậm quá trình đăng ký đề tài, đặc biệt là đối với các nhà khoa học ở phía Nam. Về đầu ra nghiên cứu, ông Vũ Hải Quân góp ý các công trình cần có địa chỉ ứng dụng cụ thể, sản phẩm có sự đóng góp vào sự phát triển kinh tế-xã hội đất nước.

Tại hội thảo, các nhà khoa học đã trình bày kết quả nghiên cứu của một số đề tài, nhiệm vụ trong Chương trình, như: Hệ thống AI tích hợp dữ liệu địa chất dầu khí đánh giá triển vọng dầu khí; ứng dụng hệ thống trí tuệ nhân tạo hỗ trợ tầm soát trước sinh cho một số bất thường hay gặp ở Việt Nam; hệ thống giám sát và dự báo, cảnh báo chất lượng không khí trên cơ sở thu thập, tích hợp dữ liệu đa nguồn, thí điểm cho một đô thị lớn... Trong phần trao đổi, thảo luận, các đại biểu cho rằng, cần có sự kết nối chặt chẽ hơn giữa các nhà khoa học liên ngành để có thêm nhân lực và nguồn lực, giúp thực hiện được những đề tài xứng tầm. Bên cạnh đó, các nhà nghiên cứu cũng cần được hướng dẫn cụ thể hơn về thủ tục hành chính, quy trình đăng ký, cách triển khai đề tài phù hợp với nội dung Chương trình; các

đại biểu đề xuất cần có cơ chế đơn giản hóa các thủ tục hành chính tạo thuận lợi hơn cho các nhà nghiên cứu có thời gian tập trung chuyên môn thực hiện các sản phẩm của đề tài. Ngoài ra, đối với những đề tài không được xét duyệt, các nhà khoa học cũng mong nhận được những nhận xét, phản hồi cụ thể từ hội đồng chuyên gia để các nhà khoa học biết được điểm mạnh, điểm yếu của đề tài, từ đó sửa đổi và hoàn thiện hơn.



Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt phát biểu tại Hội thảo

Phát biểu tại Hội thảo, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt đánh giá, sau hơn 4 năm triển khai, với nỗ lực của Ban Chủ nhiệm Chương trình và các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ, Chương trình đã nhận được sự quan tâm lớn của các nhà khoa học, tổ chức, doanh nghiệp và đã đạt được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Tuy vậy, việc triển khai Chương trình cũng gặp nhiều vướng mắc, đòi hỏi cần có sự đánh giá nghiêm túc để định hướng cho việc triển khai giai đoạn tới. Bộ trưởng đề nghị Ban Chủ nhiệm cần làm rõ các nội dung trọng tâm của Chương trình cho giai đoạn tới, trong đó, cần bám sát nhu cầu thực tiễn và các định hướng của Đảng và Nhà nước và đồng thời phải bảo đảm được tính kế thừa, phát huy được điểm mạnh của Chương trình ở giai đoạn vừa qua. Bên cạnh đó, cần làm rõ khung Chương trình giai đoạn tới theo hướng làm chủ, phát triển các công nghệ của cách mạng công nghiệp 4.0; tập trung nghiên cứu ứng dụng các công nghệ chủ chốt của cách mạng công nghiệp 4.0 mà Việt Nam có lợi thế để tạo ra các sản phẩm phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng an ninh; hỗ trợ phát triển và đổi mới các mô hình quản trị, sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, tổ chức trong các lĩnh vực ưu tiên cần chuyển đổi số. Ngoài ra, cần có các nghiên cứu tổng kết thực tiễn, đánh giá tác động, xây dựng và cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật, hệ

thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia để chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

Cũng theo Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt, thời gian qua, các quốc gia và các tổ chức quốc tế đã có nhiều thảo luận sôi nổi về các vấn đề liên quan đến đạo đức và trách nhiệm trong việc phát triển, ứng dụng và triển khai các công nghệ của cách mạng công nghiệp 4.0 (như công nghệ AI). Do đó, Chương trình cũng cần nghiên cứu các bộ quy tắc về đạo đức và trách nhiệm trong việc phát triển, ứng dụng các công nghệ 4.0, cũng như công cụ hỗ trợ thực hành và đánh giá việc áp dụng các bộ quy tắc này để tạo thuận lợi, chủ động tham gia cách mạng công nghiệp 4.0, đồng thời phòng ngừa, ứng phó các tác động tiêu cực đến con người và xã hội Việt Nam.

<https://www.vista.gov.vn/>

Quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước

Ngày 12/10/2023, Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư 20/2023/TT-BKH-CN quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách Nhà nước.



Thông tư này quy định việc tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi tắt là nhiệm vụ) dưới các hình thức đề tài khoa học và công nghệ (sau đây gọi tắt là đề tài), dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi tắt là dự án), đề án khoa

học (sau đây gọi tắt là đề án). Các nhiệm vụ do các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ, hỗ trợ không thuộc phạm vi điều chỉnh của Thông tư này.

Nguyên tắc tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ và thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Việc tuyển chọn phải bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, khách quan; kết quả tuyển chọn phải được công bố công khai trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác; Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn được đánh giá thông qua Hội đồng tư vấn tuyển chọn do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập; Việc đánh giá được tiến hành bằng phương thức chấm điểm theo các nhóm tiêu chí cụ thể quy định tại Điều 12 Thông tư này; Trên cơ sở ý kiến tư vấn của Hội đồng tư vấn, ý kiến tham mưu của đơn vị quản lý chuyên môn, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập trước khi quyết định.

Danh mục các nhiệm vụ, điều kiện, thủ tục tham gia tuyển chọn được thông báo công khai trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng khác trong thời gian 30 ngày để tổ chức và cá nhân chuẩn bị hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn.

Điều kiện tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ

Tổ chức có tư cách pháp nhân, có hoạt động phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ có quyền đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ;

Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn chủ trì nhiệm vụ: a) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa hoàn thành việc đăng ký, giao nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia khác theo quy định hiện hành; b) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa thực hiện báo cáo ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ cấp quốc gia khác theo quy định hiện hành; c) Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ cấp quốc gia khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có); Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ đã ký; Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khác thì không được đăng ký tham gia tuyển chọn trong thời gian 01 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn làm chủ nhiệm nhiệm vụ phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

Có trình độ đại học trở lên; Có chuyên môn trong lĩnh vực khoa học và công nghệ phù hợp với nội dung nhiệm vụ và hoạt động trong lĩnh vực này trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ; Có khả năng và bảo đảm thời gian để tổ chức thực hiện nhiệm vụ; Trường hợp khác với các yêu cầu tại các điểm a, b và c khoản này do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.

Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện đăng ký tham gia tuyển chọn làm chủ nhiệm nhiệm vụ: Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ cấp quốc gia khác; Tại thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ cấp quốc gia khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo Hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có); Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ do mình làm chủ nhiệm trong thời gian 03 năm kể từ khi có quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

Phê duyệt kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định kinh phí hoặc nhận được ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập (nếu có), tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ có trách nhiệm hoàn thiện hồ sơ nhiệm vụ theo kết luận của Tổ thẩm định, giải trình chi tiết kết luận của Tổ thẩm định (Biểu B3-3-GTTĐKP) và nộp lại cho đơn vị quản lý chuyên môn sau khi có xác nhận đã tiếp thu ý kiến của chủ trì phiên họp thẩm định kinh phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thuyết minh đã hoàn thiện theo kết luận của Tổ thẩm định, đơn vị quản lý chuyên môn có trách nhiệm trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, ký Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện nhiệm vụ. Thời gian thực hiện nhiệm vụ bao gồm thời gian triển khai nghiên cứu và thời gian hoàn thiện hồ sơ phục vụ đánh giá nghiệm thu (không quá 03 tháng).

Bộ Khoa học và Công nghệ phân cấp cho đơn vị quản lý kinh phí phê duyệt thuyết minh nhiệm vụ. Trong trường hợp cần thiết, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ có thể lấy ý kiến của chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại Điều 18 và Điều 20 Thông tư này.

Lưu giữ, quản lý hồ sơ gốc và công khai thông tin

Sau khi kết thúc quá trình tuyển chọn, thư ký hành chính của các phiên họp có trách nhiệm tổng hợp tài liệu (kể cả các hồ sơ không trúng tuyển) để lưu giữ và quản lý theo quy định hiện hành.

Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công khai thông tin về kết quả tuyển chọn nhiệm vụ (trừ các nhiệm vụ có nội dung chứa bí mật nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quy định) theo quy định cụ thể như sau: Nội dung công khai: Quyết định phê duyệt danh mục nhiệm vụ đặt hàng; Quyết định phê duyệt tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ, kinh phí, phương thức khoán chi và thời gian thực hiện

nhiệm vụ; Phương thức công khai: trong thời hạn 15 ngày kể từ khi ký quyết định phê duyệt, Bộ Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm thông báo công khai kết quả tuyển chọn và đăng tải tối thiểu 60 ngày trên Hệ thống quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quốc gia và Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác.

Thông tư cũng quy định chi tiết các nội dung về: Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ; Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn, Tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ và Tổ chuyên gia; Nhóm tiêu chí và thang điểm đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; Hủy kết quả tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ; Chuyên gia tư vấn độc lập; Giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

Thông tư có hiệu lực thi hành từ 27/11/2023.

<https://www.vista.gov.vn/>

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo thông qua chuyển đổi số

Chuyển đổi số đã và đang là xu hướng phát triển tất yếu của thời đại, có mặt trong mọi lĩnh vực đời sống, xã hội.

Với tinh thần khoa học và công nghệ là một trong ba đột phá chiến lược trong phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số trong lĩnh vực này chính là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đổi mới sáng tạo.



Hoạt động giám sát được thực hiện chi tiết thông qua kết nối cơ sở dữ liệu từ các lĩnh vực y tế, giáo dục, giao thông... tại Trung tâm điều hành thông minh tỉnh Bình Phước. Ảnh tư liệu: Minh Quyết/TTXVN

Làm rõ nội hàm chuyển đổi số

Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Bùi Thế Duy cho biết, chuyển đổi số là hoạt động đổi mới sáng tạo của một tổ chức, doanh nghiệp. Chuyển đổi số có nội hàm cốt lõi là ứng dụng công nghệ số, có thể nhận diện rõ hơn khi chia thành 3 cấp độ cụ thể: Số hóa (chuyển dữ liệu Analog sang dạng số); ứng dụng công nghệ số (quá trình ứng dụng công nghệ số, dữ liệu số để đơn giản hóa, tối ưu hóa, tăng hiệu quả của các hoạt động, chưa thay đổi thực sự mô hình kinh doanh, hoặc tạo ra doanh nghiệp mới); chuyển đổi số (quy trình, cách thức hoạt động mới; sản phẩm, dịch vụ mới; mô hình kinh doanh mới; loại hình doanh nghiệp mới).

Trong công tác chuyển đổi số, Bộ Khoa học và Công nghệ đã đẩy mạnh chuyên đổi số công tác quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ; thực hiện cải cách hành chính đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của Chương trình chuyển đổi số quốc gia và Kế hoạch chuyển đổi số của bộ, ngành.

Cổng Thông tin điện tử của Bộ được đưa vào vận hành từ đầu năm 2017 với hàng chục triệu lượt truy cập, trung bình 1 triệu lượt xem/tháng, nhiều năm được xếp thứ hạng cao trong các cổng thông tin bộ, ngành. Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ đã kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia và Hệ thống giám sát quốc gia về Chính phủ số, đáp ứng đầy đủ 18 tiêu chí chức năng theo quy định và các yêu cầu của Chính phủ trong việc triển khai thủ tục hành chính trên môi trường mạng.

Hệ thống một cửa điện tử đã kết nối với Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ cùng và Cổng dịch vụ công quốc gia; đáp ứng đầy đủ các quy định và tích hợp báo cáo số liệu; báo cáo tiến độ công khai trên Cổng dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ. Đồng thời, tích hợp tiếp nhận, xử lý hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận một cửa; tiếp nhận và xử lý hồ sơ nộp trực tuyến từ Cổng dịch vụ công quốc gia.

Thực tế, sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) năm 2006, Việt Nam đã nỗ lực hoàn thiện chính sách, thúc đẩy sự phát triển của khoa học, công nghệ và hội nhập quốc tế, trong đó có Luật Khoa học và công nghệ, Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ, Luật Sở hữu trí tuệ... Một số nỗ lực khác là việc thành lập, triển khai Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC); Trung tâm Hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo quốc gia (NSSC); Trung tâm Đổi mới sáng tạo về Internet vạn vật (IoT Innovation Hub)..., Những trung tâm này đều nhằm hỗ trợ nền tảng chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo cho các nhà nghiên cứu, doanh nghiệp khởi nghiệp.

Đóng góp cho mục tiêu quốc gia số



Tỉnh Kiên Giang chú trọng đầu tư phát triển hạ tầng chuyển đổi số, ứng dụng mạnh mẽ, tiên phong các công nghệ số, dữ liệu số trong tất cả các lĩnh vực, quyết tâm thực hiện chiến lược phát triển “Chuyển đổi số” giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030. Ảnh tư liệu: Minh Quyết/TTXVN

Năm 2020, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia tại Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Mục tiêu cơ bản đến năm 2025 là phát triển Chính phủ số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động; phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế và phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số.

Theo đó, Việt Nam trở thành quốc gia số, ổn định và thịnh vượng, tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới; đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của Chính phủ, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức sống, làm việc của người dân, phát triển môi trường số an toàn, nhân văn, rộng khắp.

Chương trình Chuyển đổi số quốc gia với mục tiêu kép: Vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu, với một số chỉ số cơ bản.

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Huỳnh Thành Đạt khẳng định, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã quan tâm, chỉ đạo xây dựng và ban hành nhiều cơ chế, chính sách nhằm đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo như: Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2030, Đề án thúc đẩy chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của mạng lưới đại diện khoa học công nghệ tại một số quốc gia phát triển...

Đồng thời, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thúc đẩy thực hiện chuyển đổi xanh, chuyển đổi số trong nền kinh tế như: Đề án những nhiệm vụ, giải pháp triển khai kết quả Hội nghị lần thứ 26 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu; Đề án triển khai Tuyên bố chính trị thiết lập quan hệ đối tác chuyển đổi năng lượng công bằng, Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030...

Đây là những chính sách quan trọng trong tiến trình chuyển đổi mô hình phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam từ dựa vào tài nguyên thiên nhiên sang kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn carbon thấp nhằm hướng đến mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Doanh nghiệp được xác định là trung tâm của hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, là nơi có khả năng ứng dụng nhanh nhất các kết quả hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo vào thực tiễn mang lại giá trị gia tăng và đóng góp vào thúc đẩy tăng trưởng.

Bộ trưởng Huỳnh Thành Đạt cho biết, Bộ Khoa học và Công nghệ xác định được nội hàm của chuyển đổi số, quản lý nhà nước về chuyển đổi số; đưa ra các vấn đề cần giải quyết để có kế hoạch, chiến lược cụ thể triển khai hoạt động chuyển đổi số, trong đó chú trọng người dân và doanh nghiệp.

Theo TTXVN/Báo Tin tức

Xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số

Bộ Thông tin và Truyền thông đã ban hành Quyết định 2158/QĐ-BTTTT ngày 07 tháng 11 năm 2023 phê duyệt Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số (Đề án).



Mục tiêu của Đề án nhằm cung cấp công cụ đo lường, xác định và theo dõi mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp, so sánh giữa các doanh nghiệp trong cùng ngành; giúp doanh nghiệp tiếp cận chuyển đổi số theo các tiêu chí định tính làm cơ sở để xây dựng kế hoạch và lộ trình chuyển đổi số phù hợp; tạo lập, cập nhật cơ sở dữ liệu về chuyển đổi số doanh nghiệp giúp các cơ quan chức năng có cơ sở đưa ra kế hoạch và giải pháp phù hợp để quản lý và thúc đẩy quá trình chuyển đổi số doanh nghiệp nói chung, phát triển kinh tế số; tìm ra những điển hình thực tiễn về chuyển đổi số trong doanh nghiệp để làm bài học kinh nghiệm hoặc nhân rộng trên cả nước.

Một trong những nội dung của Đề án là xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Trong đó, xây dựng Cổng thông tin Mạng lưới tư vấn viên ngành Thông tin và Truyền thông tại địa chỉ <https://dbi.gov.vn> (Cổng DBI) để đăng ký, công nhận tư vấn viên; quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động của các tổ chức, cá nhân thuộc mạng lưới tư vấn viên ngành Thông tin và Truyền thông; cung cấp thông tin về Mạng lưới tư vấn viên và công cụ hỗ trợ tư vấn viên, doanh nghiệp đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp đảm bảo các yêu cầu sau:

- Là kênh đầu mối cung cấp, cập nhật thông tin về chuyển đổi số doanh nghiệp của Bộ Thông tin và Truyền thông; công bố tiêu chí công nhận cá nhân, tổ chức tư vấn lĩnh vực thông tin và truyền thông; tiếp nhận đăng ký, công nhận, công bố, cập nhật danh sách, dữ liệu tư vấn viên thuộc Mạng lưới tư vấn viên ngành Thông tin và Truyền thông.

- Là công cụ kết nối doanh nghiệp với các chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số.

- Là công cụ quản lý, giám sát, đánh giá hoạt động Mạng lưới tư vấn viên, quản lý và theo dõi tiến độ, tiến trình, mức độ chuyển đổi số của doanh nghiệp theo thời

gian, đồng thời bám sát, giám sát, theo dõi và hỗ trợ doanh nghiệp đạt được các mục tiêu, tiêu chí về chuyển đổi số.

- Cung cấp kho học liệu số và thông tin các khóa bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

- Cung cấp các bài học kinh nghiệm, các câu chuyện thành công, giới thiệu điển hình về chuyển đổi số doanh nghiệp để lan tỏa trong cả nước.

- Tạo lập cơ sở dữ liệu chuyển đổi số doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh làm cơ sở để hoạch định chính sách, kế hoạch, chương trình thúc đẩy chuyển đổi số.

- Tạo lập hệ sinh thái kết nối an toàn, tin cậy giữa các bên: cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh... và chuyên gia tổ chức tư vấn, các doanh nghiệp cung cấp giải pháp nền tảng số phục vụ chuyển đổi số doanh nghiệp.

- Tạo lập kết nối và đồng bộ dữ liệu trực tuyến giữa Cổng DBI (tại địa chỉ <https://dbi.gov.vn>) và Cổng thông tin và cơ sở dữ liệu hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (tại địa chỉ <https://digital.business.gov.vn>) theo khuôn khổ các nội dung thỏa thuận giữa Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Thông tin và Truyền thông.

Một nội dung quan trọng khác của Đề án là tổ chức lựa chọn và huy động các nền tảng số Việt Nam xuất sắc tham gia chương trình hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh chuyển đổi số. Xây dựng và cung cấp thông tin qua Cổng thông tin Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số; Triển khai các giải pháp, chính sách hỗ trợ về công nghệ, thông tin, tư vấn và đào tạo, hỗ trợ chuyển đổi từ hộ kinh doanh, hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo và hỗ trợ tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị và các giải pháp, chính sách hỗ trợ khác theo quy định; Thúc đẩy các doanh nghiệp, tổ chức, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận và sử dụng an toàn, thuận tiện các sản phẩm, dịch vụ tài chính toàn diện, tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi; Tăng cường xã hội hóa việc hỗ trợ, tham gia đóng góp nguồn lực trong cung ứng sản phẩm dịch vụ, giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

<https://www.vista.gov.vn/>

Thông tư số 19/2023/TT-BKHHCN hướng dẫn một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Hữu Thanh

Ngày 20/9/2023, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã ký ban hành Thông tư số 19/2023/TT-BKHHCN hướng dẫn một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ.

Thông tư gồm có 3 chương và 15 điều, quy định cụ thể các hành vi vi phạm như: vi phạm về khai báo; vi phạm về kiểm soát liều chiếu xạ; vi phạm quy định về kiểm định, hiệu chuẩn thiết bị; vi phạm quy định về bảo hộ lao động cho nhân viên bức xạ; vi phạm quy định về báo cáo thực trạng an toàn tiến hành công việc bức xạ; vi phạm quy định về vận chuyển vật liệu phóng xạ và các hành vi vi phạm khác về an toàn bức xạ, an toàn hạt nhân và hành vi cản trở hoạt động thanh tra, kiểm tra. Bên cạnh đó, Thông tư cũng quy định xử lý đối với các tổ chức hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử gồm các hành vi: vi phạm quy định về đăng ký hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; vi phạm quy định về chứng chỉ hành nghề dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử; vi phạm khác trong hoạt động dịch vụ hỗ trợ ứng dụng năng lượng nguyên tử.

Thông tư số 19/2023/TT-BKHHCN có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 11 năm 2023 và thay thế Thông tư số 27/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP.

Thông tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực năng lượng nguyên tử và Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp; tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng sản phẩm, hàng hóa; hoạt động khoa học và công nghệ, chuyển giao công nghệ; năng lượng nguyên tử.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05 tháng 11 năm 2023. Thông tư số 27/2014/TT-BKHHCN ngày 10 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 107/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong

lĩnh vực năng lượng nguyên tử hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực./.